

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2024/HS-PT
Ngày 28 - 8 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thảo

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Đức Hiệp

Ông Phạm Thanh Tùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hoài Thu - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Ninh Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 63/2024/TLPT-HS ngày 26 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo **Bùi Thị B** do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 36/2024/HS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

- Bị cáo có kháng cáo:

Bùi Thị B, sinh năm 1984 tại tỉnh Ninh Bình. Nơi cư trú: **thôn A, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình**; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Bùi Văn H** và bà **Hoàng Thị C**; có chồng **Hoàng Văn D** và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

- Ngoài ra trong vụ án có 01 bị cáo có kháng cáo nhưng đã rút kháng cáo trước khi mở phiên tòa; 04 bị cáo và 01 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị Toà án không triệu tập;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Qua nguồn tin tố giác của quần chúng nhân dân, ngày 15/12/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y, tỉnh Ninh Bình tiến hành làm việc với Đỗ Thị L và Đinh Quang Q đều trú tại thôn B, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình để làm rõ hành vi mua bán trái phép số lô, số đề. Quá trình làm việc Đỗ Thị L giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 điện thoại di động OPPO A57 lắp 02 sim thuê bao 0984.489.210 và 0769.010.089 đồng thời khai nhận đã sử dụng điện thoại di động đăng nhập tài khoản Messenger “Luyen Do” và tài khoản Z “Luyện Thắng” để bán trái phép số lô, số đề cho Đinh Quang Q và Bùi Thị Bích . Đinh Quang Q giao nộp 01 điện thoại di động Iphone 12 Promax lắp sim thuê bao 0961.128.162 và khai nhận đã sử dụng điện thoại di động đăng nhập tài khoản Zalo “Đinh Quang Q” mua bán trái phép số lô, số đề với Đỗ Thị L và Đỗ Tuấn T.

Triệu tập làm việc với Bùi Thị B, B giao nộp 01 điện thoại di động S M51 lắp 02 sim thuê bao 0914.180.401 và 0333.350.950 và khai nhận đã sử dụng điện thoại đăng nhập tài khoản M “Bích Nhi” và tài khoản Z “Bích Bông” để mua bán trái phép số lô, số đề với Đỗ Thị L, Phạm Thị D1 và Trần Thị H1.

Cơ quan điều tra đã triệu tập, làm việc, thu giữ các điện thoại di động của Đỗ Tuấn T, Phạm Thị D1, Trần Thị H1.

Quá trình điều tra xác định: Với mục đích thu lời bất chính, Đỗ Thị L đã sử dụng điện thoại di động OPPO A57 lắp 02 sim thuê bao 0984.489.210 và 0769.010.089 đăng nhập tài khoản Messenger “Luyen Do” và tài khoản Z “Luyện Thắng”. Đinh Quang Q sử dụng điện thoại di động Iphone 12 Promax lắp sim thuê bao 0961.128.162 đăng nhập tài khoản Zalo “Đinh Quang Q”. Bùi Thị B sử dụng điện thoại di động S M51 lắp 02 sim thuê bao 0914.180.401 và 0333.350.950 đăng nhập tài khoản M “Bích Nhi” và tài khoản Z “Bích Bông”. Đỗ Tuấn T sử dụng điện thoại di động Active 3 lắp sim thuê bao 0362.648.332 đăng nhập tài khoản Zalo “Tú Em”. Trần Thị H1 sử dụng điện thoại di động Iphone 6 Plus, vỏ màu vàng, trong máy lắp sim thuê bao 0349.637.308 đăng nhập tài khoản Messenger “Trần H1”. Phạm Thị D1 sử dụng điện thoại di động S1 lắp sim thuê bao 0966.131.881 đăng nhập tài khoản Zalo “Minh Anh A” để nhắn tin mua bán số lô, số đề.

Đây là hình thức chơi số lô, số đề được thua bằng tiền dựa trên kết quả xổ số kiến thiết miền B mở thưởng cùng ngày. Cách thức chơi, trả thưởng quá trình điều tra xác định như sau:

+ “Lô Hà Nội”: người mua tự chọn các số có 02 chữ số được so với 02 chữ số cuối của các giải, nếu trùng thì được trả thưởng theo tỷ lệ cứ 23.000 đồng tiền chơi (gọi là 01 “điểm”) được hưởng số tiền 80.000 đồng/01 điểm.

+ Đối với các số “Lô xiên 2”, “Lô xiên 3”, “Lô xiên 4”: người mua tự chọn dãy số gồm 02 số, 03 số hoặc 04 số (mỗi số có 02 chữ số), nếu tất cả các số đã chọn trùng với 02 chữ số cuối của các giải của xổ số thì được trả thưởng: “Lô xiên 2” gấp 10 lần tiền chơi, “Lô xiên 3” gấp 40 lần tiền chơi; “Lô xiên 4” gấp 100 lần tiền chơi.

+ “Đề 02 chữ số” và “Đề 03 chữ số”: người mua tự chọn số có 02 chữ số hoặc 03 chữ số được so với các số cuối của giải đặc biệt, nếu trùng thì được trả thưởng “Đề 02 chữ số” gấp 80 lần số tiền chơi, “Đề 03 chữ số” gấp 400 lần số tiền chơi.

Hành vi mua bán số lô, số đề của các bị cáo cụ thể như sau:

*** Đối với Phạm Thị D1:**

- Lần thứ nhất: Ngày 29/10/2023, Phạm Thị D1 đã bán cho Bùi Thị B 05 số lô Hà Nội với 950 điểm với số tiền là 21.850.000 đồng; 07 số đề với số tiền là 210.000 đồng. Tổng số tiền mua số lô, số đề ngày 29/10/2023 của B với D1 là 22.060.000 đồng. Đối chiếu kết quả xổ số kiến thiết miền B mở ngày 29/10/2023, B trúng số tiền là 12.000.000 đồng. Như vậy tổng số tiền mua bán số lô, số đề giữa D1 và B ngày 29/10/2023 là 34.060.000 đồng.

- Lần thứ hai: Ngày 20/11/2023, Phạm Thị D1 bán cho Bùi Thị B 02 số lô Hà Nội với 2.000 điểm với số tiền là 46.000.000 đồng; 03 số đề với số tiền là 300.000 đồng. Tổng số tiền mua số lô, số đề ngày 20/11/2023 của B với D1 là 46.300.000 đồng. Đối chiếu kết quả xổ số kiến thiết miền B mở ngày 20/11/2023, B trúng số tiền là 80.000.000 đồng. Như vậy tổng số tiền mua bán số lô, số đề giữa D1 và B ngày 20/11/2023 là 126.300.000 đồng.

*** Đối với Bùi Thị B:**

- Lần thứ nhất: Ngày 29/10/2023, Bùi Thị B mua và chơi các số lô, số đề với Phạm Thị D1 và trúng thưởng như đã nêu ở trên với tổng số tiền là 34.060.000 đồng.

- Lần thứ hai: Ngày 20/11/2023, Bùi Thị B cũng mua và chơi số lô, số đề với Phạm Thị D1 đồng thời trúng thưởng như đã nêu ở trên với tổng số tiền là 126.300.000 đồng.

- Lần thứ ba: Ngày 09/12/2023, Bùi Thị B đã mua của Đỗ Thị L 02 số lô Hà Nội với 100 điểm với số tiền là 2.300.000 đồng; 08 số đề, 01 số đề ba càng với số tiền là 430.000 đồng. Tổng số tiền mua số lô, số đề giữa B và L là 2.730.000 đồng. Trong đó có 02 số lô Hà Nội là do mua B mua hộ H1 và trúng thưởng số tiền 4.000.000 đồng, còn lại các số đề Bích tự mua không trúng thưởng. Như vậy tổng số tiền mua bán số lô, số đề giữa B và L ngày 09/12/2023 là 6.730.000 đồng.

Ngoài ra ngày 10/12/2023, **B** còn mua của **L** các số lô, số đề với tổng số tiền là 4.050.000 đồng nhưng không trúng thưởng.

*** Đối với Đỗ Thị L:**

- Lần thứ nhất: Ngày 09/12/2023, **Đỗ Thị L** đã bán cho **Đinh Quang Q** 02 số lô Hà Nội với 140 điểm với số tiền là 3.220.000 đồng; 01 số lô xiên 3 với số tiền là 200.000 đồng; 01 số lô xiên 2 với số tiền là 300.000 đồng; 11 số đề với số tiền là 300.000 đồng. Tổng số tiền mua số lô, số đề ngày 09/12/2023 của **L** và **Q** là 4.020.000 đồng. Đối chiếu kết quả xổ số kiến thiết miền B mở ngày 09/12/2023, **Q** không trúng thưởng. Như vậy tổng số tiền mua bán số lô, số đề giữa **L** và **Q** ngày 09/12/2023 là 4.020.000 đồng.

Đỗ Thị L bán cho **Bùi Thị B** các số lô, số đề và trúng thưởng ngày 09/12/2023 là 6.730.000 đồng.

Tổng số tiền **L** bán và trả thưởng cho **Q** và **B** ngày 09/12/2023 là 10.750.000 đồng.

- Lần thứ hai: Ngày 10/12/2023, **Đỗ Thị L** đã bán cho **Đinh Quang Q** 01 số lô Hà Nội với 50 điểm với số tiền là 1.150.000 đồng; 01 số lô xiên 4 với số tiền là 50.000 đồng; 03 số đề với số tiền là 300.000 đồng. Tổng số tiền mua số lô, số đề ngày 10/12/2023 của **L** và **Q** là 1.500.000 đồng. Đối chiếu kết quả xổ số kiến thiết miền B mở ngày 10/12/2023, **Q** không trúng thưởng. Như vậy tổng số tiền mua bán số lô, số đề giữa **L** và **Q** ngày 10/12/2023 là 1.500.000 đồng.

Đỗ Thị L còn bán các số lô, số đề cho **Bùi Thị B** với tổng số tiền là 4.050.000 đồng nhưng không trúng thưởng.

Tổng số tiền bán số lô, số đề của **L** cho **Q** và **B** ngày 10/12/2023 là 5.550.000 đồng.

*** Đối với Đinh Quang Q và Đỗ Tuấn T:**

- Ngày 09/12/2023, **Đinh Quang Q** bán cho **Đỗ Tuấn T** rồi chuyển cho **Đỗ Thị L** trả thưởng 02 số lô Hà Nội với 140 điểm với số tiền là 3.220.000 đồng; 01 số lô xiên 3 với số tiền là 200.000 đồng; 01 số lô xiên 2 với số tiền là 300.000 đồng; 11 số đề với số tiền là 250.000 đồng. Tổng số tiền mua số lô, số đề ngày 09/12/2023 **Q** bán cho **T** rồi chuyển cho **L** là 3.970.000 đồng. Đối chiếu kết quả xổ số kiến thiết miền B mở ngày 09/12/2023, không số nào trúng thưởng. Ngoài ra **Q** còn tự mua thêm 01 số đề với số tiền 50.000 đồng nhưng không trúng thưởng.

Ngày 09/12/2023, **Đinh Quang Q** bán cho **Đỗ Tuấn T** và giữ lại để tự trả thưởng 06 số lô Hà Nội là 20 điểm với tổng số tiền là 920.000 đồng. Đối chiếu kết quả xổ số kiến thiết miền B mở ngày 09/12/2023, **T** trúng thưởng số tiền 400.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền mua bán số lô, số đề giữa **Q** và **T** ngày 09/12/2023 là 5.290.000 đồng; của **Q** là 5.340.000 đồng.

Ngoài ra ngày 10/12/2023, **Đinh Quang Q** còn bán các số lô, số đề cho **Đỗ Tuấn T** rồi nhắn tin chuyển một phần cho **Đỗ Thị L** và giữ lại một phần để tự trả thưởng. Tổng số tiền mua bán số lô, số đề ngày 10/12/2023, của **Q** là 3.735.000 đồng, của **Đỗ Tuấn T** là 2.585.000 đồng.

* **Đối với Trần Thị H1**: Ngày 09/12/2023, **Trần Thị H1** nhờ **Bùi Thị B** mua của **Đỗ Thị L** 02 số lô Hà Nội với 100 điểm với số tiền là 2.300.000 đồng. Đối chiếu kết quả xổ số kiến thiết miền B mở ngày 09/12/2023, **H1** trúng thưởng số tiền 4.000.000 đồng. Như vậy tổng số tiền mua bán số lô, số đề ngày 09/12/2023 của **Trần Thị H1** là 6.300.000 đồng.

Phạm Thị D1, **Bùi Thị B**, **Đỗ Thị L**, **Đinh Quang Q**, **Đỗ Tuấn T** và **Trần Thị H1** chưa thanh toán tiền mua bán số lô, số đề và tiền trúng thưởng với nhau.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 36/2024/HS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2024 Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình đã xét xử và quyết định.

Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo **Phạm Thị D1** và **Bùi Thị Bích**. Tuyên bố các bị cáo **Phạm Thị D1** và **Bùi Thị B** phạm tội “Đánh bạc”. Xử phạt:

Bị cáo **Phạm Thị D1** 36 (ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, phạt bổ sung bị cáo số tiền 15.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

Bị cáo **Bùi Thị B** 36 (ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, phạt bổ sung bị cáo số tiền 15.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về tội danh “Đánh bạc”, xử phạt mức hình phạt từ 22.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng đối với các bị cáo **Đỗ Thị L**, **Đinh Quang Q**, **Đỗ Tuấn T** và **Trần Thị H1**; biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, quyền kháng cáo cho các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ngày 02 tháng 7 năm 2024, các bị cáo **Phạm Thị D1** và **Bùi Thị B** có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được cải tạo tại địa phương.

Ngày 19/8/2024 bị cáo **Phạm Thị D1** có đơn xin rút toàn bộ kháng cáo. Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình đã ra Quyết định đình chỉ việc xét xử phúc thẩm số 36/2024/HSPT- QĐ ngày 20 tháng 8 năm 2024, đình chỉ xét xử vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 63/2024/TLPT-HS ngày 26 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo **Phạm Thị D1** phạm tội “Đánh bạc”.

Tại phiên tòa bị cáo **Bùi Thị B** vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tại phiên tòa phúc thẩm sau khi phân tích đánh giá tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Bùi Thị B** và giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 36/2024/HS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình về phần hình phạt tù đối với bị cáo **B**.

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo **Bùi Thị B** 36 tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, phạt bổ sung bị cáo số tiền 15.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo đã nộp số tiền 72.840.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước (theo quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số: 36/2024/HS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình) tại Biên lai thu tiền số 0002049 ngày 21/8/2024 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Bị cáo **Bùi Thị B** phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt và được cải tạo tại địa phương để bị cáo có điều kiện chăm sóc gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Ngày 02 tháng 7 năm 2024, bị cáo **Bùi Thị B** có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được cải tạo tại địa phương. Đơn kháng cáo của bị cáo là hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo **Bùi Thị B** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với lời khai của các bị cáo khác trong vụ án; với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; phù hợp với biên bản kiểm tra điện thoại đã thu giữ của các bị cáo, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Với mục đích thu lợi

bất chính nên trong các ngày 29/10/2023, 20/11/2023 và 09/12/2023, bị cáo **Bùi Thị B** đã có hành vi mua bán số lô, số đề trái phép được thua bằng tiền với **Phạm Thị D1** và **Đỗ Thị L**, trong đó ngày thấp nhất với số tiền 6.730.000 đồng, ngày cao nhất số tiền 126.300.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo **Bùi Thị B** đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Đánh bạc” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được cải tạo tại địa phương của bị cáo **Bùi Thị B**, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm và phúc thẩm bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên bị cáo đã 03 lần mua bán trái phép số lô, số đề trong các ngày 29/10/2023, 20/11/2023 và 09/12/2023 là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bản án sơ thẩm đã xem xét đánh giá tính chất vụ án, nhân thân, xem xét áp dụng đúng, đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như trên và xử phạt bị cáo mức hình phạt 36 tháng tù là mức hình phạt khởi điểm của khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là phù hợp với quy định của pháp luật, không nặng. Trong quá trình chuẩn bị xét xử bị cáo xuất trình biên lai thu tiền thể hiện bị cáo đã nộp số tiền 72.840.000 đồng tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình để sung ngân sách Nhà nước (theo quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số: 36/2024/HS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2024 Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình). Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Mặc dù bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới nêu trên nhưng Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được cải tạo tại địa phương của bị cáo nên cần giữ nguyên các quyết định bản án hình sự sơ thẩm số: 36/2024/HS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình về phần hình phạt tù đối với bị cáo **Bùi Thị Bích**.

[4] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo **Bùi Thị B** không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Bùi Thị B**, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 36/2024/HS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình về phần hình phạt tù.

2. Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo **Bùi Thị B** 36 (ba mươi sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, phạt bổ sung bị cáo số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo đã nộp số tiền 72.840.000 đồng (bảy mươi hai triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng) để sung ngân sách Nhà nước (theo quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số: 36/2024/HS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình) tại biên lai thu tiền số 0002049 ngày 21/8/2024 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí, bị cáo **Bùi Thị B** phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 28/8/2024.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội (1 bản);
 - VKSND cấp cao tại Hà Nội (1 bản);
 - VKSND tỉnh Ninh Bình (3 bản);
 - Phòng kiểm tra nghiệp vụ THA (1 bản);
 - TAND huyện Yên Khánh (6 bản);
 - VKSND huyện Yên Khánh (1 bản);
 - CA huyện Yên Khánh (1 bản);
 - Chi cục THADS huyện Yên Khánh (1 bản);
 - Phòng HS&NV Công an tỉnh (1 bản);
 - Sở tư pháp tỉnh Ninh Bình (1 bản);
 - Bị cáo (2 bản);
 - Lưu hồ sơ (2 bản);
 - Lưu tòa và Tổ hành chính tư pháp (02 bản).
- (Thông báo chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Thảo

